Trường THPT Nguyễn Văn Linh **MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA CHUYÊN ĐỀ – NĂM HỌC: 2023 – 2024**

**Tổ Vật Lý MÔN: VẬT LÝ – LỚP: 10 – THỜI GIAN LÀM BÀI: 45 phút**

| **TT** | **NỘI DUNG KIẾN THỨC** | **ĐƠN VỊ KIẾN THỨC, KĨ NĂNG** | **SỐ CÂU HỎI THEO MỨC ĐỘ NHẬN THỨC** | | | | | | | | | **TỔNG** | | | **% TỔNG ĐIỂM** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Nhận biết** | | **Thông hiểu** | | **Vận dụng** | | | **Vận dụng cao** | | **SỐ CH** | | **Thời gian (ph)** |  |
| **Số CH** | **Thời gian (ph)** | **Số CH** | **Thời gian (ph)** | **Số CH** | | **Thời gian (ph)** | **Số CH** | **Thời gian (ph)** | **TN** | **TL** |  |  |
| **1** | **Chuyên đề 1** | 1.1.Sơ lược về sự phát triển của Vật lí | 3 | 3 | 1 | 1 |  | |  |  |  | **4** |  | **4** | **10%** |
|  |  | 1.2.Giới thiệu một số lĩnh vực nghiên cứu trong Vật lí | 3 | 3 | 1 | 1 |  | |  |  |  | **4** |  | **4** | **10%** |
|  |  | 1.3.Ứng dụng Vật lí trong một số ngành nghề | 2 | 2 | 2 | 2 |  | |  |  |  | **4** |  | **4** | **10%** |
| **2** | **Chuyên đề 2** | 2.1.Xác định phương hướng | 1 | 1 | 2 | 2 | 1 | | 1,5 |  |  | **4** |  | **4,5** | **10%** |
|  |  | 2.2.Chuyển động nhìn thấy của một số thiên thể trên nền trời sao | 1 | 1 | 1 | 1,5 | 2 | | 3 |  |  | **4** |  | **5,5** | **10%** |
|  |  | 2.3.Một số hiện tượng thiên văn | 2 | 2 | 1 | 1,5 | 1 | | 1,5 |  |  | **4** |  | **5** | **10%** |
| **3** | **Chuyên đề 3** | 3.1.Môi trường và bảo vệ môi trường | 2 | 2 | 1 | 1 | 1 | | 1,5 |  |  | **4** |  | **4,5** | **10%** |
|  |  | 3.2.Năng lượng hoá thạch và năng lượng tái tạo | 2 | 2 | 1 | 1 | 1 | | 1,5 |  |  | **4** |  | **4,5** | **10%** |
|  |  | 3.3.Tác động của việc sử dụng năng lượng ở Việt Nam | 2 | 2 | 1 | 1 | 1 | | 1,5 |  |  | **4** |  | **4,5** | **10%** |
|  |  | 3.4.Ô nhiễm môi trường | 2 | 2 | 1 | 1 | 1 | | 1,5 |  |  | **4** |  | **4,5** | **10%** |
| **Tổng** | |  | **20** | **20** | **12** | **13** | **8** | | **12** |  |  | **40** |  | **45** | **100%** |
| **Tỉ lệ %** | |  | **50%** | | **30%** | | **20%** | | |  | | **100%** |  |  | **100%** |
| **Tỉ lệ chung %** | |  | **80%** | | | | | **20%** | | | |  | |  | **100%** |

Ghi chú:

- Các câu hỏi ở các cấp độ là các câu hỏi trắc nghiệm khách quan 4 lựa chọn, trong đó có duy nhất 1 lựa chọn đúng;  
- Số điểm tính cho 1 câu trắc nghiệm là 0,25 điểm.

Trường THPT Nguyễn Văn Linh **BẢN ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA CHUYÊN ĐỀ – NĂM HỌC: 2023 – 2024**

**Tổ Vật Lý MÔN: VẬT LÝ – LỚP: 10 – THỜI GIAN LÀM BÀI: 45 phút**

| **TT** | **NỘI DUNG KIẾN THỨC** | **ĐƠN VỊ**  **KIẾN THỨC,**  **KĨ NĂNG** | **MỨC ĐỘ KIẾN THỨC, KĨ NĂNG**  **CẦN KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ** | **Số câu hỏi theo mức độ nhận thức** | | | |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Nhận biết** | **Thông hiểu** | **Vận dụng** | **Vận dụng cao** |
| **1** | **Chuyên đề 1** | 1.1.Sơ lược về sự phát triển của Vật lí | + Nêu được sơ lược sự ra đời và những thành tựu ban đầu của vật lí thực nghiệm.  + Nêu được sơ lược vai trò của cơ học Newton đối với sự phát triển của Vật lí học.  + Liệt kê được một số nhánh nghiên cứu chính của vật lí cổ điển.  + Nêu được sự khủng hoảng của vật lí cuối thế kỉ XIX, tiền đề cho sự ra đời của vật lí hiện đại.  + Liệt kê được một số lĩnh vực chính của vật lí hiện đại. | 3 | 1 |  |  |
|  |  | 1.2.Giới thiệu một số lĩnh vực nghiên cứu trong Vật lí | + Nêu được đối tượng nghiên cứu; liệt kê được một vài mô hình lí thuyết đơn giản, một số phương pháp thực nghiệm của một số lĩnh vực chính của vật lí hiện đại.  + tìm hiểu về các mô hình, lí thuyết khoa học đã phát triển và được áp dụng để cải thiện các công nghệ hiện tại cũng như phát triển các công nghệ mới. | 3 | 1 |  |  |
|  |  | 1.3.Ứng dụng Vật lí trong một số ngành nghề | Nêu được ví dụ thực tế về việc sử dụng kiến thức vật lí trong một số lĩnh vực (Quân sự; Công nghiệp hạt nhân; Khí tượng; Nông nghiệp, Lâm nghiệp; Tài chính; Điện tử; Cơ khí, tự động hoá; Thông tin, truyền thông; Nghiên cứu khoa học). | 2 | 2 |  |  |
| **2** | **Chuyên đề 2** | 2.1.Xác định phương hướng | + Xác định được trên bản đồ vị trí của các chòm sao: Gấu lớn, Gấu nhỏ, Thiên Hậu.  + Xác định được vị trí sao Bắc Cực trên nền trời sao. | 1 | 2 | 1 |  |
|  |  | 2.2.Chuyển động nhìn thấy của một số thiên thể trên nền trời sao | + Sử dụng mô hình hệ Mặt Trời, để nêu được một số đặc điểm cơ bản của chuyển động nhìn thấy của Mặt Trời, Mặt Trăng, Kim Tinh và Thuỷ Tinh trên nền trời sao.  + Dùng mô hình nhật tâm của Copernic giải thích được một số đặc điểm quan sát được của Mặt Trời, Mặt Trăng, Kim Tinh và Thuỷ Tinh trên nền trời sao. | 1 | 1 | 2 |  |
|  |  | 2.3.Một số hiện tượng thiên văn | Dùng ảnh để giải thích được một cách sơ lược và định tính các hiện tượng: nhật thực, nguyệt thực, thuỷ triều. | 2 | 1 | 1 |  |
| **3** | **Chuyên đề 3** | 3.1.Môi trường và bảo vệ môi trường | + Nêu được những sự cần thiết bảo vệ môi trường trong chiến lược phát triển của các quốc gia.  + Nêu được vai trò của cá nhân và cộng đồng trong bảo vệ môi trường. | 2 | 1 | 1 |  |
|  |  | 3.2.Năng lượng hoá thạch và năng lượng tái tạo | + Phân loại năng lượng hoá thạch và năng lượng tái tạo.  + Vai trò của năng lượng tái tạo.  + Một số công nghệ cơ bản để thu được năng lượng tái tạo. | 2 | 1 | 1 |  |
|  |  | 3.3.Tác động của việc sử dụng năng lượng ở Việt Nam | + Nêu được một số tác động của việc sử dụng năng lượng hiện nay đối với môi trường, kinh tế và khí hậu Việt Nam. | 2 | 1 | 1 |  |
|  |  | 3.4.Ô nhiễm môi trường | + Sơ lược về các chất ô nhiễm trong nhiên liệu hoá thạch, mưa axit, năng lượng hạt nhân, sự suy giảm tầng ozon, sự biến đổi khí hậu. | 2 | 1 | 1 |  |
| **Tổng** | | |  | **20** | **12** | **8** |  |
| **Tỉ lệ %** | | |  | **50%** | **30%** | **20%** |  |
| **Tỉ lệ chung %** | | |  | **80%** | | **20%** | |